

Bản án số: 56 /2020/HS - PT.

Ngày: 04 - 5 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Ông Nguyễn Trung Thông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2020/TLPT-HS ngày 21/02/2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn K, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, thành phố B, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12. Nghề nghiệp: Không;

Con ông: Nguyễn Văn K1, sinh năm 1963;

Con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964;

Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ: Trần Thị Thanh N, sinh năm 1985 (Đã ly hôn năm 2017); bị cáo có 2 con (Lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015).

- Nhân thân: Tại bản án số 134/2015/HSST ngày 25/9/2015, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2015 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Đã chấp hành xong ngày 21/4/2017).

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K:** Luật sư Nguyễn Văn Nam - Luật sư thuộc Văn Phòng Luật sư Nguyễn Đình Huân, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Trong vụ án còn có 01 người bị hại và 07 người có Q1 lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1985, trú tại: Thôn T, xã S, thành phố B làm kế toán cho Công ty TNHH TM&DV Việt Cường, trụ sở tại: Số 363 đường Nguyễn Thị M Khai, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang từ tháng 2/2019 đến tháng 5/2019 thì nghỉ việc. Khoảng 09 giờ ngày 27/6/2019, Nguyễn Văn K nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái của Công ty TNHH TM&DV Việt Cường để mang đi cắm lấy tiền trả nợ và ăn tiêu. K điện cho anh Nguyễn Thanh H- Phó giám đốc Công ty TNHH TM&DV Việt Cường để thuê xe. K nói dối là cần thuê xe ô tô tự lái đi Lào Cai để thăm vợ, con. Do Công ty đã cho khách thuê hết xe nên anh H trả lời K là không còn xe ô tô tự lái cho thuê. Sau đó, anh H có gọi điện thoại cho anh Lê Quang M, sinh năm 1972, trú tại: Số nhà 175, đường, phường D, thành phố B là người đang thuê xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E biển kiểm soát 98A - 230.29 của Công ty TNHH TM&DV Việt Cường, từ 27/4/2019 đến 26/4/2020. Anh H có nói cho anh M biết việc K đang có nhu cầu thuê xe ô tô để đi Lào Cai thăm vợ, con và bảo anh M gọi điện trao đổi cho K thuê lại chiếc xe ô tô trên.

Sau khi nghe anh H giới thiệu, do anh M cũng quen biết K từ trước nên anh M điện cho K nói “thấy H bảo em muốn đi Lào Cai, có thuê xe không để anh chở đi”. K nói dối anh M là “em đi Lào Cai thăm vợ con, anh cho em thuê lại xe để em tự lái”, anh M đồng ý và hẹn gặp tại quán cà phê 98 trước cổng nhà khách tỉnh Bắc Giang để làm hợp đồng. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 27/6/2019, khi gặp nhau tại quán cà phê 98, K và anh M thỏa thuận thuê xe ô tô với giá là 850.000 đồng/ngày, thời hạn thuê là 03 ngày, từ ngày 27/6/2019 đến ngày 30/6/2019. Anh M viết giấy cho thuê xe, K đọc, nhất trí và ký nhận vào dưới mục bên thuê xe. Anh M giao xe và giấy tờ xe gồm: Bản sao đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định, bảo hiểm xe cho K, K đặt cọc 01 triệu đồng cho anh M để thanh toán trước một phần tiền thuê xe. Sau khi nhận xe, K đi về nhà mở cốp xe mang bộ logo biểu trưng, mào taxi Thành Đạt, đồng hồ tính cước taxi trong cốp xe vào để ở nhà. K đi tìm chỗ để cắm xe nhưng không tìm được chỗ nào. Đến ngày 29/6/2019, K gọi điện cho 1 đối tượng tên D, sinh năm 1984, ở quận H, thành phố H theo số điện thoại “0986.642.525” (K không biết họ tên và địa chỉ cụ thể

của D) để nhờ D tìm chỗ cấm xe và D đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 29/6/2019, K lái xe ô tô 98A - 230.29 ra Hà Nội và gặp D ở khu vực Bến xe Mỹ Đình, thành phố Hà Nội. D dẫn K đến khu vực huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội gặp người nam thanh niên tên Q1 để giao dịch. K và Q1 gặp nhau, tự giao dịch với nhau ở ngoài đường. Tại đây, K cấm chiếc xe ô tô 98A- 230.29 cho Q1 lấy số tiền 100 triệu đồng, thời hạn là 10 ngày, với lãi suất là 01 triệu đồng/ngày, K phải trả 10 triệu đồng tiền lãi cho Q1 rồi giao xe cùng giấy tờ xe cho Q1 và ký tên vào giấy cấm xe do Q1 giữ. Đến chiều tối ngày 30/6/2019, anh M gọi điện cho K để đòi xe vì đã hết thời hạn thuê xe. K nói dối anh M là con ốm nên ở lại Lào Cai thêm 1 đến 2 ngày rồi về trả xe.

Số tiền cấm xe có được, K trả nợ cho anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1996, trú tại: Số nhà 05, ngõ 119 đường X, phường N, thành phố B số tiền 5.000.000 đồng; trả cho anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991, trú tại: Số nhà 03, ngách 17, ngõ 57 đường l, phường T, thành phố B số tiền 1.200.000 đồng; chuộc 02 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại Iphone 6 plus, 01 điện thoại Iphone 6s) đã cầm cố trước đó tại cửa hàng mua bán sửa chữa điện thoại H ở Số 28, đường T, tổ 5, khu 34, xã S, thành phố B của anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1993 hết 6.600.000 đồng; chuyển trả cho anh M 2.500.000 đồng tiền thuê xe. Số tiền còn lại K vào thành phố Hồ Chí M mua xổ số và tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi hết hạn thuê xe vẫn không thấy K mang xe về trả, anh Nguyễn Thanh H theo dõi thấy xe ô tô 98A - 230.29 bị mất định vị tại thành phố Hà Nội. Do đó anh H đã cùng anh M tìm K để đòi xe. Lúc này, K đã thừa nhận hành vi cấm xe ô tô của mình và không còn khả năng chuộc xe nữa. K cho số điện thoại của D là “0986.642.525” để anh M, anh H và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964, trú tại: Thôn T, xã S, thành phố B, tỉnh B (là mẹ của K) liên hệ chuộc xe. Theo K khai D điện thoại nói cho K biết việc phía bên nhận cầm xe yêu cầu K phải chuyển số tiền 10 triệu đồng tiền lãi cấm xe của 10 ngày tiếp theo và cho số tài khoản “7770109991991” Ngân hàng Quân đội (MB Bank) Sơn Tây, thành phố Hà Nội để chuyển tiền. K đã cung cấp số tài khoản trên và nói cho anh M, anh H và bà Q để chuyển tiền theo yêu cầu của Q1. Anh H đã chuyển vào số tài khoản này số tiền 10 triệu đồng.

Ngày 07/7/2019, bị cáo K đã đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú.

Ngày 15/7/2019, anh H, anh M và bà Q đã điện liên hệ với D và ra thành phố Hà Nội gặp D ở đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để nhờ D dẫn đi chuộc xe. D dẫn đến khu vực thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và gặp một nam thanh niên tại khu vực đường vắng. Anh H, anh M, bà Q đã trả số tiền 103 triệu đồng cho người nam thanh niên này theo yêu cầu và chuộc được chiếc xe ô tô BKS 98A - 230.29, xe còn nguyên vẹn, không hư hỏng gì. Giấy K ký khi cấm xe được nam thanh niên này đã trả lại cho bà Q, bà Q đã xé nát rồi vứt đi. Anh H đã nhận lại xe ô tô BKS 98A-230.29. Tổng số tiền phải bỏ ra để chuộc xe là 113 triệu đồng,

trong đó bà Q bỏ ra 40 triệu đồng, anh M bỏ ra 63 triệu đồng và trả cho anh H 10 triệu đồng tiền anh H đã chuyển khoản trả lãi theo yêu cầu của bên nhận cầm xe trước đó.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 92 ngày 09/7/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: 01 (một) Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E, BKS: 98A - 230.29, loại xe ô tô con, màu sơn nâu vàng, số máy: 1NZZ292910, số khung: 9F38F4014818 (xe sản xuất năm 2015), xe đã qua sử dụng, có trị giá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 108 ngày 06/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Giang kết luận: 01 (một) bộ Logo (tem biểu trưng) hãng taxi Thành Đạt gồm 02 logo đều có kích thước (69x20)cm và 02 logo đều có kích thước (89x20)cm, đã qua sử dụng, có trị giá 150.000 đồng; 01 (một) chiếc mào xe taxi hãng taxi Thành Đạt có kích thước (58x15x15)cm, đã qua sử dụng, có trị giá 350.000 đồng; 01 (một) chiếc đồng hồ tính cước taxi nhãn hiệu HP. N2010, đã qua sử dụng, có trị giá 1.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ ký, chữ viết trong Giấy thuê xe ô tô được ký kết giữa anh M và K. Tại Kết luận giám định số 1240 ngày 31/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “*Bên thuê xe*” trên tài liệu cần giám định (Giấy thuê xe ô tô) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn K trên các tài liệu mẫu so sánh là ***do cùng một người viết ra.***

Cơ quan điều tra đã xác M lời khai của chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1985, trú tại: Tổ 13 phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, là vợ cũ của K xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/6/2019 đến ngày 07/7/2019, K không lên thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai để thăm chị N cùng hai con, không cư trú tại phường Pom Hán, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai trong khoảng thời gian này.

Quá trình điều tra, ngoài số tiền 40 triệu đồng bà Nguyễn Thị Q bỏ ra để chuộc xe ô tô BKS 98A-230.29 nêu trên đến ngày 24/10/2019, bà Q đã tự nguyện đến gặp anh M đại diện cho K bồi thường thiệt hại trả cho anh M số tiền 10 triệu đồng. Anh M đã nhận số tiền này và yêu cầu K phải bồi thường số tiền còn lại là 63 triệu đồng. Đối với số tiền 50 triệu đồng bà Q bỏ ra để khắc phục hậu quả cho K, bà Q không yêu cầu K phải trả lại số tiền này.

Về trách nhiệm dân sự: Anh M yêu cầu Nguyễn Văn K phải bồi thường số tiền 63 triệu đồng mà anh M đã phải bỏ ra để chuộc xe ô tô BKS 98A - 230.29. Ngoài ra anh M không có yêu cầu gì khác.

Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 24/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/7/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí, Q1 yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và Q1 kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/01/2020, bị cáo Nguyễn Văn K nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh M là người bị hại thêm số tiền là 12.000.000đồng, gia đình bị cáo và anh M thoả thuận mỗi tháng gia đình bị cáo trả cho anh M 2.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ. Anh M có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bà nội là Lê Thị Hiền là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, ông nội là Nguyễn Văn P được tặng Bằng khen, Giấy khen tham gia công tác là Xã đội trưởng.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo K là có ông bà nội là người có công với nước được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bằng khen, giấy khen. Gia đình bị cáo có khó khăn về kinh tế nhưng vẫn bồi thường cho anh M là người bị hại sau khi xét xử sơ thẩm số tiền là 12.000.000đồng và thoả thuận mỗi tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ. Anh M là người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 8 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Văn K nhất trí với Luận cứ bào chữa của Luật sư đối với bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Đôi đáp của đại diện VKS: Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là ông bà nội bị cáo là người có công với cách mạng Viện

kiểm sát không áp dụng bởi lẽ các tài liệu xuất trình đều là bản phô tô không có công chứng. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt 8 năm tù, quan điểm của Viện kiểm sát là hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có nhân thân xấu, bị truy tố theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm tù. Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức hình phạt 10 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo Nguyễn Văn K nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn K thì thấy: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 27/6/2019, tại quán cà phê 98 trước cổng Nhà Khách tỉnh Bắc Giang thuộc phường Ngô Q1, thành phố Bắc Giang, Nguyễn Văn K đã dùng thủ đoạn gian dối thuê xe ô tô tự lái sau đó mang đi cầm cố, thế chấp cho người khác lấy tiền trả nợ, tiêu sài cá nhân nhằm chiếm đoạt của anh Lê Quang M 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS E biển kiểm soát 98A - 230.29, màu sơn nâu vàng và các logo biểu trưng, mào taxi Thành Đạt, đồng hồ tính cước taxi có tổng trị giá 401.500.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K thấy: Tại phiên tòa, bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm hình phạt nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú, đã tác động cho gia đình bồi thường được một phần hậu quả cho người bị hại, do vậy bị

cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến Q1 sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải nghiêm trị bằng hình luật, cần lên một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo K mức án 10 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội, không nặng đối với bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn K xuất trình các tình tiết mới đó là : Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo đã bồi thường thêm cho anh Lê Quang M là người bị hại số tiền 12.000.000đồng, gia đình bị cáo và anh M thỏa thuận mỗi tháng gia đình bị cáo bồi thường cho anh M 2.000.000đồng, anh M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bà nội Lê Thị Hiền là người có công được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, ông Nội là Nguyễn Văn P được tặng thưởng Bằng khen, giấy khen tham gia công tác xã là xã đội trưởng> Hội đồng xét xử thấy mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo K có một số tình tiết giảm nhẹ mới , nhưng xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, Toà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 10 năm tù là có căn cứ và phù hợp với hành vi phạm tội không nặng đối với bị cáo. Do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt cũng như ý kiến của Luật sư xin đề nghị xử phạt bị cáo mức án 08 năm được, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/7/2019.

[2].Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương